

Số: 32/2010/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 10 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư nguồn
Ngân sách Nhà nước năm 2011**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BKH ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc Ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 185/2010/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2011 tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư nguồn Ngân sách Nhà nước năm 2011 tỉnh Lai Châu.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao, các sở, ngành, UBND các huyện, thị phân bổ chi tiết các nguồn vốn cân đối cho ngân sách huyện, thị và báo cáo kết quả theo quy định về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 31/12/2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước, Chủ tịch UBND các huyện, thị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, C.viên các khối;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chữ

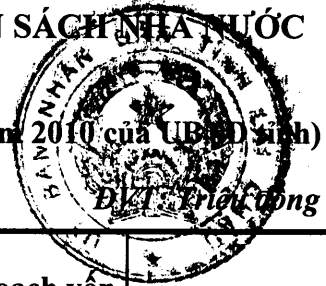
MỤC LỤC HỆ THỐNG BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2012



STT	TÊN BIỂU	Trang
I	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1
1	VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3
2	VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG	9
3	VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG TỈNH, HUYỆN MỚI CHIA TÁCH	12
4	VỐN ĐẦU TƯ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC DỰ ÁN CẤP BÁCH	15
5	VÀN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TUYẾN BIÊN GIỚI VIỆT - TRUNG	16
6	VÀN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KINH TẾ CỬA KHẨU	17
7	VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ VỐN ĐỐI ỨNG ODA	18
8	ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 193/2006/QĐ-TTG VÀ QUYẾT ĐỊNH 33/2007/QĐ-TTG	20
9	VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ HUYỆN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT 30A CỦA CHÍNH PHỦ	21
10	VỐN ĐẦU TƯ THEO QUYẾT ĐỊNH 134 KÉO DÀI	22
11	VỐN HỖ TRỢ HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở THEO QUYẾT ĐỊNH 167	23
12	VỐN ĐẦU TƯ THEO MỘT SỐ MỤC TIÊU KHÁC	24
II	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP	26
1	ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 193/2006/QĐ-TTG VỀ BỐ TRÍ DÂN CƯ CÁC VÙNG	26
2	HỖ TRỢ KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	26
3	KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 30A/2008/NĐ-CP	27
III	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	28

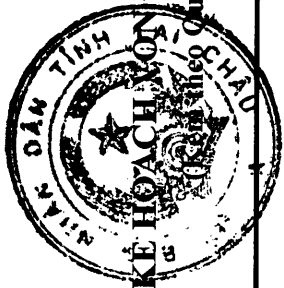
**TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2011 - TỈNH LAI CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch vốn năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.049.200	
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	304.000	
1	Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định	241.800	
<i>a</i>	<i>Trả nợ vốn vay</i>	<i>69.000</i>	
<i>b</i>	<i>Cân đối ngân sách huyện</i>	<i>27.000</i>	
<i>c</i>	<i>Thực hiện dự án</i>	<i>145.800</i>	
	Trong đó:		
	- Các dự án Giáo dục - Đào tạo	59.000	
	- Các dự án Khoa học - Công nghệ	11.000	
2	Thu sử dụng đất	53.600	
3	Hỗ trợ doanh nghiệp công ích	600	Phân bổ theo QĐ giao dự toán NS tỉnh
4	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.000	
II	VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	685.200	
1	Vốn đầu tư thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	72.000	
	<i>Trong đó: Hoàn vốn ứng các năm trước</i>	<i>40.000</i>	
2	Hỗ trợ đầu tư tỉnh, huyện mới chia tách	190.000	
	<i>Trong đó: Hoàn vốn ứng các năm trước</i>	<i>60.000</i>	
3	Hỗ trợ đầu tư các công trình dự án cấp bách của địa phương	56.000	

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch vốn năm 2011	Ghi chú
4	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung	37.500	
5	Đầu tư hạ tầng kinh tế cửa khẩu	25.000	
6	Đầu tư các trung tâm y tế tỉnh	10.000	
7	Đầu tư hạ tầng du lịch	10.000	
8	Đầu tư Trung tâm giáo dục lao động - xã hội	10.000	
9	Đầu tư thực hiện Quyết định 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 về việc bố trí lại dân cư nơi cần thiết	5.000	Cân đối NS huyện
10	Đầu tư thực hiện Quyết định 33/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về định canh định cư	11.000	Cân đối NS huyện
11	Đầu tư quản lý, bảo vệ biên giới đất liền	14.000	
12	Chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp và thủy sản	5.000	
13	Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã	5.000	Cân đối NS huyện
14	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững	10.000	Phân bổ chi tiết sau
15	Hỗ trợ vốn đối ứng ODA	30.000	
16	Hỗ trợ 62 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ	150.000	Cân đối NS huyện
17	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết Định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ	21.700	Cân đối NS huyện, thị
18	Hỗ trợ theo Quyết định 134 kéo dài	23.000	Cân đối NS huyện, thị
C	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	60.000	



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG - NĂM 2011
Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	DỰ ÁN	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
		TỔNG SỐ					521.659	142.365	304.000				
	I	Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định					513.662	140.365	241.800			-	
	1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi							39.000				
	2	Trả nợ vay Kho bạc Nhà nước							30.000				
	3	Cân đối ngân sách huyện thị (Trong đó bao gồm đầu tư Trung tâm chữa bệnh giáo dục- LĐXH...)							27.000				
	1	Thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu						2.000			UBND T. x Lai Châu	
	2	Huyện Tam Đường	Tam Đường						3.000			UBND Tam Đường	
	3	Huyện Phong Thổ	Phong Thổ						3.000			UBND Phong Thổ	
	4	Huyện Sin Hồ	Sin Hồ						5.000			UBND Sin Hồ	
	5	Huyện Mường Tè	Mường Tè						8.000			UBND Mường Tè	
	6	Huyện Than Uyên	Than Uyên						3.000			UBND Than Uyên	
	7	Huyện Tân Uyên	Tân Uyên						3.000			UBND Tân Uyên	
	4	Thực hiện dự án					513.662	140.365	145.800				

STT	Dự án	Đề mục	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
					KC	HT								
		a	Các dự án Giáo dục - Đào tạo					272.116	57.007	59.000			-	
1	1		Trung tâm chính trị huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2010	2010		8.140	2.300	5.840	C	HT	UBND Sin Hồ	
2	2		Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Mường Tè	Mường Tè	2009	2009		4.725	4.237	292	C	HT	UBND Mường Tè	
3	3		Trường PTCS huyện Phong Thổ (giai đoạn 1)	Phong Thổ	2004	2005	500h/s	4.131	1.670	612	C	HT	Phòng GD-ĐT huyện Phong Thổ	
4	4		Trường cao đẳng cộng đồng	T.x Lai Châu	2009	2011	2050 sinh viên	243.000	48.800	44.756	C	CT	Trường Cao đẳng cộng đồng	
5	5		Nhà giảng đường Trường chính trị tỉnh	T.x Lai Châu	2011	2011	3 tầng	12.120	-	3.000	C	KCM	Trường chính trị tỉnh	1399/29.10.10
6	6		Các dự án chuẩn bị đầu tư						-	4.500				
		b	Các dự án Khoa học công nghệ					10.698	4.000	11.000			-	
7	1		Dự án truyền phát tin trên nền mạng Internet	Các huyện, thị	2010	2010		6.920	4.000	2.920	C	HT	Đài PT-TH tỉnh	
8	2		Trang thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh	T.x Lai Châu	2010	2010		428	-	428	C	HT	Văn phòng UBND tỉnh	
9	3		Xây dựng hệ thống thư điện tử tỉnh Lai Châu	T.x Lai Châu	2011	2011	Toàn tỉnh	1.600	-	1.502	C	KCM	Sở Thông tin Truyền thông	1400/29.10.10
10	4		Xây dựng hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử tỉnh Lai Châu	T.x Lai Châu	2011	2011	10 sở, ngành	1.750	-	1.750	C	KCM	Sở Thông tin Truyền thông	1401/29.10.10
11	5		Các dự án chuẩn bị đầu tư						-	4.400				
		c	Các dự án hoàn thành					94.298	61.708	29.751				
12	1		Trụ sở khối kinh tế huyện Mường Tè	Mường Tè	2010	2010		5.200	1.800	3.400	C	HT	UBND Mường Tè	

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT							
13	2	Nhà khách huyện Sơn Hòa	Sơn Hòa	2007	2008	7.500	5.935	1.555	C	HT	Ban QLDA Sơn Hòa	
14	3	Trụ sở phòng giáo dục huyện Sơn Hòa	Sơn Hòa	2010	2010	4.450	1.700	2.750	C	HT	UBND Sơn Hòa	
15	4	Trụ sở HĐND - UBND huyện Phong Thổ	Phong Thổ	2006	2006	15.390	13.011	1.327	B	HT	UBND Phong Thổ	
16	5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 5 giai đoạn I	T. x Lai Châu	2008	2008	19.000	15.876	1.413	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
17	6	Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực Nậm Loóng phường Quyết Thắng thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2008	2008	4.173	3.936	237	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
18	7	Hệ thống cấp nước thị xã Lai Châu giai đoạn I	T. x Lai Châu	2006	2008	18.000	12.392	5.542	C	HT	Cty TNHH XD và cấp nước tỉnh	
19	8	Trung tâm thanh thiếu niên tỉnh (Đối ứng với TW đoàn Thanh Niên)	T. x Lai Châu	2007	2007	3.897	3.058	839	C	HT	Tỉnh đoàn thanh niên	
20	9	Hót sạt và sửa chữa kênh thủy lợi Nậm Lăn xã Ka Lăng huyện Mường Tè	Mường Tè	2010	2010	4.041	-	4.041	C	HT	Sở NN & PTNT	
21	10	Đối ứng dự án cải tạo, sửa chữa 04 trạm thủy điện: Nậm Sỉ Lường; Nà Hư; Bản Giăng và Pắc Ma huyện Mường Tè	Mường Tè	2008	2010	3.647	1.500	2.147	C	HT	UBND Mường Tè	
22	11	Đối ứng dự án thủy điện nhỏ Thu Lùm, Mù Cà, Pa Ủ	Mường Tè	2008	2010	9.000	2.500	6.500	C	HT	UBND Mường Tè	
	d	Các dự án chuyển tiếp				63.470	17.650	26.899				
23	1	Đường lên sân bay và bãi đỗ máy bay trực thăng BCH quân sự tỉnh	T. x Lai Châu	2010	2011	6.000	2.000	2.600	C	CT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
24	2	Trung đoàn 880	T. x Lai Châu	2010	2011	11.800	1.000	7.000	C	CT	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	

STT	Dự án	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
25	3	Hệ thống thoát nước khu dân cư số 2	T. x Lai Châu	2008	2011		16.800	11.350	3.499	C	CT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
26	4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường và hệ thống thoát nước đường Bé Văn Đàn (Đoạn từ đình phân thủy khu vực Công ty Việt Nhật - đường 58m - QL4D)	T. x Lai Châu	2010	2011	0,93 km	8.200	2.300	3.800	C	CT	UBND T. x Lai Châu	
27	5	Đường nội thị từ nhà khách UBND huyện Sin Hồ đến ngã ba Suối Hai	Sin Hồ	2010	2012	1,4 km	20.670	1.000	10.000	C	CT	UBND Sin Hồ	1386/29.10.10
	e	Các dự án khởi công mới					73.080	-	14.150				
28	1	Trụ sở làm việc Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Chi cục bảo vệ Môi trường tỉnh Lai Châu	T. x Lai Châu	2011	2011	3 tầng, 984 m ² sàn	6.300	-	1.200	C	KCM	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh	1303/18.10.10
29	2	Trụ sở hợp khối Trạm thú y, khuyến nông, bảo vệ thực vật huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2011	2012	3 tầng, 640 m ² sàn	6.600	-	1.300	C	KCM	Sở Nông nghiệp và PTNT	1414/29.10.10
30	3	Trụ sở hợp khối Trạm thú y, khuyến nông, bảo vệ thực vật huyện Mường Tè	Mường Tè	2011	2012	3 tầng, 640 m ² sàn	7.280	-	1.400	C	KCM	Sở Nông nghiệp và PTNT	1415/29.10.10
31	4	Trụ sở hợp khối Trạm thú y, khuyến nông, bảo vệ thực vật huyện Tân Uyên	Tân Uyên	2011	2012	3 tầng, 640 m ² sàn	6.100	-	1.200	C	KCM	Sở Nông nghiệp và PTNT	1521/09.11.10
32	5	Nhà khách xã Thu Lũm huyện Mường Tè	Mường Tè	2011	2011	2 tầng, 373 m ² xây dựng	8.400	-	1.600	C	KCM	UBND Mường Tè	1387/29.10.10
33	6	Hồ khu 9 thị trấn Tân Uyên huyện Tân Uyên	Tân Uyên	2011	2012	50 ha	15.000	-	2.900	C	KCM	UBND Tân Uyên	1281/12.10.10
34	7	Bến xe khách huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2011	2012	0,8 ha	6.800	-	1.300	C	KCM	UBND Sin Hồ	1383/29.10.10
35	8	Bãi rác huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2011	2011	1,1 ha	5.900	-	1.150	C	KCM	UBND Sin Hồ	1348/29.10.10

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
36	9	Chợ thị trấn huyện Sin Hồ	Sin Hồ	2011	2012	1,47 ha	10.700	-	2.100	C	KCM	UBND Sin Hồ	1385/29.10.10
		<i>e Các dự án chưa bị quên</i>						-	5.000				
		II							53.600				
		1							28.000				Tổng thu 40 tỷ đồng, nộp quỹ đất tỉnh 12 tỷ đồng
		<i>Trong đó:</i>											
37	1	Đường số 5 thị xã Lai Châu (qua Trung tâm hành chính thị xã)	T. x Lai Châu	2010	2011	0,87km	36.700	15.000		C	CT	UBND T. x Lai Châu	
38	2	Đường số 6 thị xã Lai Châu (qua hồ lằng)	T. x Lai Châu	2010	2010	0,25km	4.150	2.000		C	HT	UBND T. x Lai Châu	
39	3	Đường số 2 thị xã Lai Châu (giáp Trường THCS Quyết Thắng)	T. x Lai Châu	2010	2011		3.990	500		C	HT	UBND T. x Lai Châu	
40	4	Đường số 17 thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2010	2010	0,9km	13.060	7.300		C	HT	UBND T. x Lai Châu	
41	5	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật tổ dân phố số 5, phường Tân Phong, thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2010	2011	2,1644 ha	11.664	9.000		C	CT	UBND T. x Lai Châu	
		2 Huyện Tam Đường							2.800				Tổng thu 4 tỷ đồng, nộp quỹ đất tỉnh 1,2 tỷ đồng
		3 Huyện Phong Thổ							1.050				Tổng thu 1,5 tỷ đồng, nộp quỹ đất tỉnh 0,45 tỷ đồng
		4 Huyện Than Uyên							1.750				Tổng thu 2,5 tỷ đồng, nộp quỹ đất tỉnh 0,75 tỷ đồng

[illegible]

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH CÁC VÙNG - NĂM 2011

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
			TỔNG SỐ				131.778	86.901	72.000				
		I	Hoàn vốn ứng trước theo văn bản số 1087/TTg-KTTH ngày 09/8/2007; 1572/TTg-KTTH ngày 22/9/2008, 406/TTg-KTTH ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ						40.000				
		II	Các dự án hỗ trợ ưu đãi đầu tư						2.000				
		III	Đầu tư phát triển hạ tầng vùng cao su đại điền				14.910	10.265	4.255				
1		1	Xây dựng nhà ở công nhân bán Nậm Lò, Pậu, Nậm Ngập xã Nậm Tăm (6 nhà)	2010	2010		4.266	3.000	876	C	HT	Công ty cổ phần Cao su Lai Châu	
2		2	Xây dựng nhà ở công nhân tại các xã Chấn Nưa, Nậm Hàng, Pú Dao, Nậm Cày (7 nhà)	2010	2010		4.144	3.500	644	C	HT	Công ty cổ phần Cao su Lai Châu II	
3		3	Mặt bằng làng công nhân cao su Nậm Ngá	2010	2011	4,3 ha	6.500	3.765	2.735	C	HT	UBND Sin Hồ	
		IV	Cân đối ngân sách huyện Mường Tè				12.758	3.890	5.000			UBND Mường Tè	
4		1	Trụ sở xã Nậm Manh	2009	2009	440 m2	2.800	1.740		C	HT		
5		2	Trụ sở xã Pa Vệ Sù	2009	2010	440 m2	2.952	650		C	HT		



STT	Dự án	Đề mục	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
					KC	HT								
6	3		Trụ sở xã Bùm Nưa	Mường Tè	2010	2010	440 m2	3.380	1.000		C	HT		
7	4		Trụ sở xã Tà Tổng	Mường Tè	2010	2010	440 m2	3.626	500		C	HT		
	V		Cán đối ngân sách huyện Sìn Hồ					3.500	1.500	1.500			UBND Sìn Hồ	
8	1		Trụ sở xã Tà Ngáo	Sìn Hồ	2010	2010	440 m2	3.500	1.500		C	HT		
	VI		Thực hiện dự án					100.610	71.246	19.245				
	a		Các dự án hoàn thành					82.440	67.246	13.638				
9	1		San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 6 giai đoạn I	T.x Lai Châu	2008	2009	221.000m2	39.500	35.399	3.088	C	HT	UBND T.x Lai Châu	
10	2		Chợ thị trấn huyện Phong Thổ	Phong Thổ	2010	2010		3.550	3.000	550	C	HT	UBND Phong Thổ	
11	3		Trụ sở Đoàn nghệ thuật Dân tộc tỉnh Lai Châu	T.x Lai Châu	2009	2009		7.200	5.874	1.227	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
12	4		Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 2 mở rộng	T.x Lai Châu	2008	2009		14.464	12.907	1.137	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
13	5		San ủi mặt bằng Đài PT-TH tỉnh	T.x Lai Châu	2010	2010		950	300	650	C	HT	Đài PT-TH tỉnh	
14	6		Bãi rác thị trấn.Phong Thổ	Phong Thổ	2010	2010		3.500	3.000	476	C	HT	UBND Phong Thổ	
15	7		Trung tâm văn hóa thể thao người cao tuổi	T.x Lai Châu	2010	2011	597 m2 sử dụng	5.200	2.871	2.329	C	HT	Hội người cao tuổi	

STT	Dự án mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
			KC	HT								
16	8	Đổi ứng dự án năng lượng nông thôn REII	2006	2009	12 xã	5.762	3.895	1.867	C	HT	Sở Công thương	
17	9	Đổi ứng dự án năng lượng nông thôn REII mở rộng	2009	2010	3 xã	2.314	-	2.314	C	HT	Sở Công thương	
	<i>b</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>				12.220	4.000	4.507				
18	1	Sân vận động huyện Than Uyên	2010	2012		12.220	4.000	4.507	C	CT	UBND Than Uyên	
	<i>c</i>	<i>Các dự án khởi công mới</i>				5.950	-	1.100				
19	1	Thủy lợi San Tra Mán xã Tà Lèng	2011	2011	20 ha	5.950	-	1.100	C	KCM	UBND Tam Đường	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG TỈNH, HUYỆN MỚI CHIA TÁCH - NĂM 2011
(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

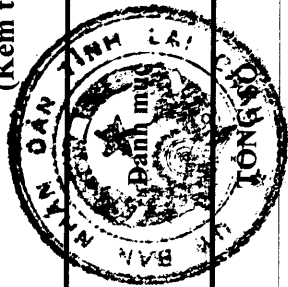
STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
			KC	HT								
	TỔNG HỢP					494.362	197.454	190.000				
I	Hoàn vốn ứng theo văn bản số 1087/TTg-KTTH ngày 09/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ							60.000				
II	Kết cấu hạ tầng thị trấn Tam Đường					135.320	37.930	26.820				
a	<i>Các dự án hoàn thành</i>					38.660	30.930	6.342				
1	Trụ sở huyện ủy huyện Tam Đường	Tam Đường	2006	2006	2068m ² sân	9.500	8.800	177	B	HT	UBND Tam Đường	
2	Trụ sở HĐND - UBND huyện Tam Đường	Tam Đường	2006	2006	2757m ² sân	13.106	12.341	259	B	HT	UBND Tam Đường	
3	Sân đường nội bộ và hạ tầng kỹ thuật trung tâm hội nghị văn hóa huyện Tam Đường	Tam Đường	2008	2008		3.350	2.750	600	C	HT	UBND Tam Đường	
4	Các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Tam Đường	Tam Đường	2008	2008		3.550	2.239	1.311	C	HT	UBND Tam Đường	
5	Điện chiếu sáng nối QL4D - Trung tâm Hội nghị Văn hoá huyện Tam Đường	Tam Đường	2009	2009	32 cột	1.854	1.500	322	C	HT	UBND Tam Đường	
6	Trụ sở làm việc phòng giáo dục huyện Tam Đường	Tam Đường	2010	2010		4.500	2.000	2.173	C	HT	UBND Tam Đường	
7	Trụ sở hạt kiểm lâm Tam Đường	Tam Đường	2010	2010	2 tầng, 276 m ² sân	2.800	1.300	1.500	C	HT	Chi cục Kiểm Lâm tỉnh	
b	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>					16.200	7.000	5.000				
8	Đường số 4 và số 4A giai đoạn II (nền đường và các hạng mục thoát nước)	Tam Đường	2010	2011	1,021 km	16.200	7.000	5.000	C	CT	UBND Tam Đường	

STT	Đề án mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
			KC	HT								
	c	Các dự án khu vực miền đông				80.460	-	15.478				
9	1	Hạ tầng dân cư khu vực trung tâm Tam Đường	2011	2012	0,565 ha, 1,13 km	23.000	-	4.400	C	KCM	UBND Tam Đường	1346/26.10.10
10	2	Bến xe khách huyện Tam Đường	2011	2012	0,6 ha	8.000	-	1.528	C	KCM	UBND Tam Đường	1393/29.10.10
11	3	Bãi chôn lấp rác thải huyện Tam Đường	2011	2012	1,6 ha	5.860	-	1.150	C	KCM	UBND Tam Đường	1394/29.10.10
12	4	Rải áp phan các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Tam Đường	2011	2012	4,8 km	19.000	-	3.700	C	KCM	UBND Tam Đường	1392/29.10.10
13	5	Sân vận động huyện Tam Đường	2011	2012	1.500 chỗ	24.600	-	4.700	C	KCM	UBND Tam Đường	1396/29.10.10
	III	Kết cấu hạ tầng thị trấn Tân Uyên				83.665	38.000	25.100				
	a	Các dự án chuyển tiếp				73.765	38.000	23.200				
14	1	San gạt mặt bằng khu trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	2010	2011	14,1 ha	59.810	35.000	16.100	C	CT	UBND Tân Uyên	
15	2	Chợ thị trấn huyện Tân Uyên	2010	2011		13.955	3.000	7.100	C	CT	UBND Tân Uyên	
	b	Các dự án khởi công mới				9.900	-	1.900				
16	1	Trụ sở hạt kiểm lâm thị trấn huyện Tân Uyên	2011	2011	2 tầng	3.400	-	700	C	KCM	Chi cục kiểm lâm tỉnh	1456/29.10.10
17	2	Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Tân Uyên	2011	2011	1,3 ha	6.500	-	1.200	C	KCM	UBND Tân Uyên	1407/29.10.10
	IV	Kết cấu hạ tầng thị xã Lai Châu				275.377	121.524	78.080				
	a	Các dự án hoàn thành				49.155	36.614	10.534				
18	1	Đường nối khu dân cư số 2, 6, 4 thị xã Lai Châu (giai đoạn I)	2006	2009	2,1 ha	14.500	10.427	2.535	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	

STT	Danh mục		Địa điểm xây dựng	KC-HT		Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Dự án	Đề mục		KC	HT							
19	2	San nền và hạ tầng kỹ thuật khu TDC đối diện BCH Biên phòng tỉnh	T. x Lai Châu	2008	2008	13.055	12.765	252	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
20	3	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 4 (giai đoạn II)	T. x Lai Châu	2008	2009	16.600	12.422	4.178	C	HT	UBND T. x Lai Châu	
21	4	San gạt mặt bằng khu tượng đài Bác Hồ và Bảo tàng Tỉnh	T. x Lai Châu	2010	2010	5.000	1.000	3.569	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
	b	Các dự án chuyển tiếp				170.152	84.910	56.746				
22	1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 2 giai đoạn II (Giao thông, cấp, thoát nước)	T. x Lai Châu	2007	2011	83.482	62.594	12.500	B	CT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
23	2	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 1 mở rộng (bám trục đường 58m thị xã Lai Châu)	T. x Lai Châu	2010	2011	14.770	6.916	5.000	C	CT	UBND T. x Lai Châu	
24	3	Đường nối khu Trụ sở hợp khối đến đường 58m	T. x Lai Châu	2010	2012	54.900	15.000	28.546	C	CT	Sở Xây dựng	
25	4	Hệ thống mương thu nước và cống thoát nước dọc đường chân núi xã Nùng Nàng	T. x Lai Châu	2010	2011	7.200	200	4.500	C	CT	UBND T. x Lai Châu	
26	5	Hệ thống thoát nước khu dân cư số 5 ra suối Nậm Con Gìn	T. x Lai Châu	2010	2011	9.800	200	6.200	C	CT	UBND T. x Lai Châu	
	c	Các dự án khởi công mới				56.070	-	10.800				
27	1	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm hành chính thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2011	2011	30.670	-	5.900	C	KCM	UBND T. x Lai Châu	1306/19.10.10
28	2	Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 7 thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2011	2012	25.400	-	4.900	C	KCM	UBND T. x Lai Châu	1404/29.10.10

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÓ MỤC TIÊU CHO CÁC DỰ ÁN CẤP BÁCH - NĂM 2011

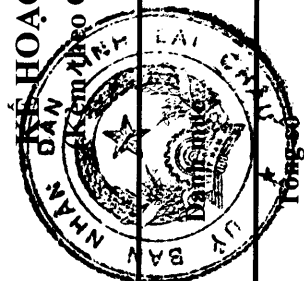
(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
							1.389.314	128.428	56.000				
		I Các dự án hoàn thành					27.100	24.128	1.821				
1	1	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà hàng khách sạn	T.x Lai Châu	2008	2009	3 ha	6.300	4.772	575	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
2	2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 5 giai đoạn II	T.x Lai Châu	2008	2008	5,13ha	20.800	19.356	1.246	C	HT	Ban QLXD các công trình của tỉnh	
		II Các dự án chuyển tiếp					325.888	104.300	42.179				
3	1	Trường cao đẳng cộng đồng	T.x Lai Châu	2009	2011	2050 sinh viên	243.000	48.800	16.000	C	CT	Trường Cao đẳng cộng đồng	
4	2	Tượng đài "Bác Hồ với các dân tộc tỉnh Lai Châu"	T.x Lai Châu	2008	2009		42.888	40.500	10.000	C	CT	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	
5	3	Nhà in báo nhân dân và các loại báo tại Lai Châu	T.x Lai Châu	2010	2012	5tr. bản/ năm	40.000	15.000	16.179	B	CT	Văn phòng Tỉnh ủy	
		III Dự án khởi công mới					1.036.326	-	12.000				
6	1	Trung tâm lưu trữ tỉnh (Đối ứng NSTW)	T.x Lai Châu	2011	2012		56.326	-	2.000	B	KCM	Sở Nội vụ	
7	2	Nâng cấp, cải tạo đường thị xã Lai Châu - thị trấn huyện Sìn Hồ	T.x Lai Châu - Sìn Hồ	2011	2013	62 Km	980.000	-	10.000	B	KCM		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KINH TẾ CỬA KHẨU - NĂM 2011
ĐVT: Triệu đồng



Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
							66.475	23.018	25.000				
		I Dự án quyết toán, hoàn thành, chuyển tiếp					66.475	23.018	22.000				
1	1	Sân, kè công chính khu kinh tế cửa khẩu	Phong Thổ	2006	2008	130m	5.072	3.590	344	C	QT	Ban QLDA Cửa Khẩu	
2	2	Bãi đỗ xe số 1 khu công chính cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2009	2009		8.987	4.174	4.813	C	HT	Ban QLDA Cửa Khẩu	
3	3	Bãi đỗ xe số 2, đường B5 kéo dài và đường B5-1 khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2009	2010		5.800	5.534	163	C	HT	Ban QLDA Cửa Khẩu	
4	4	Đường vành đai khu vực kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2009	2010		9.700	4.700	5.000	C	HT	Ban QLDA Cửa Khẩu	
5	5	Trung tâm thương mại và cửa hàng miễn thuế khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2009	2010		13.500	5.020	6.680	C	HT	Ban QLDA Cửa Khẩu	
6	6	Nâng cấp, cải tạo đường Pa Tần - Huổi Luông - Pa Nậm Cúm (gói thầu số 9)	Phong Thổ	2010	2012	24,4km	23.416	-	5.000	C	CT	UBND Phong Thổ	
		II Các dự án khởi công mới					-	-	3.000				
7	1	Hạ tầng khu vực Pô Tô	Phong Thổ	2011	2012			-		C	KCM	Ban QLDA Cửa Khẩu	
8	2	Đường nối lên công chính Ma Lù Thàng và Quốc lộ 12	Phong Thổ	2011	2012			-		C	KCM	Ban QLDA Cửa Khẩu	
9	3	Nhà máy nước khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng	Phong Thổ	2011	2012			-		C	KCM	Cty TNHH XD và cấp nước tỉnh	

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục		Địa điểm xây dựng	KC-HT		Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Dự án	Đề mục		KC	HT							
		TỔNG SỐ				310.721	85.217	30.000				
	I	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI OFID				60.280	20.269	10.152				
1	1	Thủy nông Dao Chải 2	Phong Thổ	2008	2010	70ha	4.839	3.187	476	C	UBND Phong Thổ	
2	2	Thủy lợi Tả Páo Hồ	Phong Thổ	2010	2011	200ha	14.728	4.350	1.500	C	UBND Phong Thổ	
3	3	Thủy lợi Nậm Pé 2	Tam Đường	2008	2010	200ha	5.698	2.777	500	C	UBND Tam Đường	
4	4	Thủy lợi Hua Đán	Than Uyên	2008	2010	80ha	5.234	2.100	1.028	C	UBND Than Uyên	
5	5	Thủy lợi Nậm Lưng	Than Uyên	2008	2010	50ha	2.035	1.639	260	C	UBND Than Uyên	
6	6	Thủy lợi Nậm Bon	Tân Uyên	2008	2010	80ha	2.757	2.000	710	C	UBND Tân Uyên	
7	7	Thủy lợi Cầu Máng	Mường Tè	2009	2010	35ha	2.206	1.386	475	C	UBND Mường Tè	
8	8	Thủy lợi Nhà Phát - Sang Ngà	Than Uyên	2010	2011	100ha	3.922	1.500	1.463	C	UBND Than Uyên	
9	9	Thủy lợi Nhà Cại	Tân Uyên	2010	2011	80ha	5.514	800	1.500	C	UBND Tân Uyên	
10	10	Thủy lợi Nậm Tàng - Nà Sắng	Tam Đường	2010	2011	220ha	12.148	-	2.000	C	UBND Tam Đường	
11	11	Chi phí ban QLDA Phát triển thủy lợi tỉnh Lai Châu	Sở KH&ĐT	2009	2012	13 người	1.199	530	240	C	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	II	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN JICA					99.138	22.884	11.848			

STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
12	1	Thủy lợi Khun	Tam Đường	2007	2010	200ha	7.215	4.526	1.348	C	HT	UBND Tam Đường	
13	2	Đường Tam Đường - Thèn Sín - Bàn Mán	Tam Đường	2007	2010	11 km	13.000	9.215	1.000	C	HT	UBND Tam Đường	
14	3	Đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ	Phong Thổ	2010	2011	18,3km	15.000	5.400	2.000	C	HT	UBND Phong Thổ	
15	4	Hệ thống cấp điện các xã huyện Phong Thổ, Tam Đường	T. Đường, P. Thổ	2010	2010		6.476	1.614	1.700	C	HT	Sở Công thương	
16	5	Hệ thống cấp nước SH thị trấn Mường Tè	Mường Tè	2010	2012	1000m ³ /ngày đêm	9.100	500	1.800	C	CT	UBND Mường Tè	
17	6	Nâng cấp, cải tạo đường Thèn Sin - Mường So	Tam Đường	2010	2012	13km	24.931	1.129	2.000	C	CT	UBND Tam Đường	
18	7	Nâng cấp, cải tạo đường Pa Tàn-Huổi Luông-Pa Nậm Cúm	Phong Thổ	2010	2012	24,4km	23.416	500	2.000	C	CT	UBND Phong Thổ	
		III Nguồn vốn EDCF (Hàn Quốc)					42.711	17.000	1.500				
19	1	Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh	T. x Lai Châu	2008	2011	300 giường	42.711	17.000	1.500	B	HT	Bệnh viện đa khoa tỉnh	
		IV Nguồn vốn Na Uy					76.592	22.864	1.500				
20	1	Cấp nước thị xã Lai Châu	T. x Lai Châu	2008	2011	8.000m ³ /ngày đêm	76.592	22.864	1.500	B	HT	Cty TNHH XD và cấp nước tỉnh	Thu ứng NS tỉnh
		V Dự án giảm nghèo (WB)					32.000	2.200	5.000				
21	1	Dự án giảm nghèo các tỉnh Miền núi phía Bắc giai đoạn 2 (giai đoạn 2010-2015) tỉnh Lai châu	Huyện TB, PT, SH, MT	2010	2015		32.000	2.200	5.000	C	CT	Ban QLDA giảm nghèo tỉnh và các huyện: Tam Đường, Phong Thổ, Mường Tè, Sin Hồ	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ HUYỆN NGHÈO THEO
NGHỊ QUYẾT 30A CỦA CHÍNH PHỦ - NĂM 2010**

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	150.000		Cân đối NS huyện
1	Huyện Than Uyên	30.000	UBND Than Uyên	
2	Huyện Tân Uyên	30.000	UBND Tân Uyên	
3	Huyện Phong Thổ	30.000	UBND Phong Thổ	
4	Huyện Sìn Hồ	30.000	UBND Sìn Hồ	
5	Huyện Mường Tè	30.000	UBND Mường Tè	

Ghi chú: UBND các huyện phối hợp với sở Lao động TB&XH rà soát, đánh giá tình hình thực hiện đầu tư hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30A, tổng hợp nhu cầu các dự án hoàn thành, chuyển tiếp đến hết năm 2010 và dự kiến các danh mục khởi công mới năm 2011. Báo cáo gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước 31/01/2011 làm căn cứ trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án. Sau khi được phê duyệt danh mục dự án, UBND các huyện phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho các danh mục dự án để triển khai thực hiện và gửi Quyết định phân bổ về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi./.

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ THEO QUYẾT ĐỊNH 134 KÉO DÀI - NĂM 2010

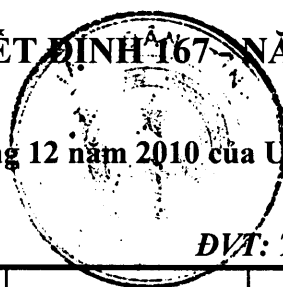
(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG SỐ	23.000		Cân đối NS huyện, thị
1	Thị xã Lai Châu	500	UBND T.x Lai Châu	
2	Huyện Than Uyên	4.000	UBND Than Uyên	
3	Huyện Tân Uyên	3.500	UBND Tân Uyên	
4	Huyện Tam Đường	4.000	UBND Tam Đường	
5	Huyện Phong Thổ	2.500	UBND Phong Thổ	
6	Huyện Sìn Hồ	4.500	UBND Sìn Hồ	
7	Huyện Mường Tè	4.000	UBND Mường Tè	

HỖ TRỢ HỘ NGÈO VỀ NHÀ Ở THEO QUYẾT ĐỊNH 167-NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)



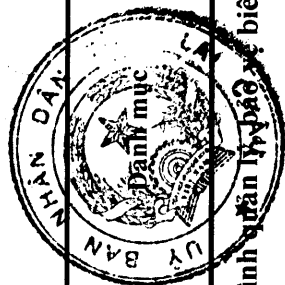
ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2011		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số hộ	Kinh phí		
	TỔNG SỐ	2.583	21.700		Cân đối NS huyện, thị
1	Thị xã Lai Châu	37	311	UBND T.x Lai Châu	
2	Huyện Than Uyên	360	3.024	UBND Than Uyên	
3	Huyện Tân Uyên	275	2.310	UBND Tân Uyên	
4	Huyện Tam Đường	365	3.066	UBND Tam Đường	
5	Huyện Phong Thổ	639	5.370	UBND Phong Thổ	
6	Huyện Sìn Hồ	497	4.175	UBND Sìn Hồ	
7	Huyện Mường Tè	410	3.444	UBND Mường Tè	
					✓

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THEO MỘT SỐ MỤC TIÊU KHÁC - NĂM 2011
(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
			KC	HT							
	TỔNG SỐ				246.249	97.424	54.000				
	I Đầu tư các trung tâm y tế tỉnh				18.400	7.104	10.000			-	
1	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	T. x Lai Châu	2010	2010	10.000	3.500	6.000	C	CT	Sở Y tế	
2	Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khoẻ tỉnh	T. x Lai Châu	2010	2010	8.400	3.604	4.000	C	CT	Sở Y tế	
	II Đầu tư hạ tầng du lịch				50.719	31.828	10.000			-	
	a Các dự án hoàn thành				2.219	981	1.238				
3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông nội thị thị tứ Mường So	Phong Thổ	2006	2010	2.219	981	1.238	C	HT	UBND Phong Thổ	
	b Các dự án chuyển tiếp				48.500	30.847	8.762				
4	Đường B1 thị trấn Sìn Hồ	Sìn Hồ	2010	2011	16.500	10.847	5.653	C	CT	UBND Sìn Hồ	
5	Đường B1 thị trấn huyện Sìn Hồ giai đoạn II	Sìn Hồ	2010	2011	32.000	20.000	3.109	C	CT	UBND Sìn Hồ	
	III Đầu tư Trung tâm giáo dục lao động - xã hội				35.000	20.000	10.000			-	
6	Trung tâm 05, 06 tỉnh Lai Châu	T. x Lai Châu	2007	2010	35.000	20.000	10.000	B	CT	Sở Lao động, TB&XH	



STT	Dự án	Đề mục	Địa điểm xây dựng	KC-HT		Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Nhóm dự án	Loại dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				KC	HT								
		IV											
		Chương trình quản lý bảo vệ biên giới đất liền											
7		1	Đường từ trung tâm xã Mù Sang - Biên giới Việt Trung	2010	2011	8km	88.630	11.492	14.000	C	CT	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	
8		2	Đường tuần tra biên giới Ma Lù Thàng - Chợ Sìn Choang (Đoạn Ma Lù Thàng - Lũng Than)	2011	2013	22,8 km	60.230	-	5.000	C	KCM	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	1378/28.10.10
		V											
		Chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp và thủy sản											
9		1	Hồ nuôi trồng thủy sản hạ lưu đường 60m	2010	2011		53.500	27.000	4.000	B	CT	UBND T.x Lai Châu	
10		2	Trung tâm giống cây nông, lâm nghiệp tỉnh					-	1.000	C	KCM	Sở NN & PTNT	
		VI											
		Hỗ trợ đầu tư các trụ sở xã											
11		1	Trụ sở xã Bum Tở	2011	2011			-	2.800	C	KCM	UBND Mường Tè	Cán đổi NS huyện
12		2	Trụ sở xã Tòa Sín Chải	2011	2011			-	2.200	C	KCM	UBND Sìn Hồ	Cán đổi NS huyện

**THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH
(VỐN SỰ NGHIỆP) - NĂM 2011**

(Đơn vị: triệu đồng)

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	46.270	
1	Đầu tư thực hiện quyết định 193/2006/QĐ-TTg về bố trí dân cư các vùng	2.000	Cân đối ngân sách huyện Mường Tè
	<i>Di dân ra ngoài vùng có nguy cơ sạt lở cao, lũ ống, lũ quét bản Đầu Nậm Xả xã Bum Tở</i>	<i>2.000</i>	<i>UBND Mường Tè</i>
2	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP	44.070	Có biểu chi tiết kèm theo
3	Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học	200	Phân bổ chi tiết sau

KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 30A/2008/NQ-CP

(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện	Kế hoạch năm 2011 (Vốn sự nghiệp)	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số	44.070		
1	Huyện Than Uyên	4.125	UBND Than Uyên	
2	Huyện Tân Uyên	3.438	UBND Tân Uyên	
3	Huyện Phong Thổ	16.054	UBND Phong Thổ	
4	Huyện Sìn Hồ	9.097	UBND Sìn Hồ	
5	Huyện Mường Tè	11.356	UBND Mường Tè	

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2011 - TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tân Uyên	Tân Uyên	Sở Giáo dục - Đào tạo	
2	Trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	T.x Lai Châu	Đài PT-TH tỉnh	
3	Trụ sở Sở Y tế	T.x Lai Châu	Sở y tế	
4	Thủy lợi Tả Pả II	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	
5	Thủy lợi Nậm Ty II	Mường Tè	UBND Mường Tè	
6	Trụ sở làm việc hợp khối huyện Ủy huyện Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	
7	Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	
8	Trụ sở làm việc hội khối HĐND - UBND huyện Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	
9	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mở rộng	T.x Lai Châu	Sở Xây dựng	
10	Bến xe khách tỉnh Lai Châu	T.x Lai Châu	UBND T.x Lai Châu	
11	Trung tâm huấn luyện thể thao và nhà thi đấu đa chức năng	T.x Lai Châu	Ban QLDA CTXD tỉnh	
12	Trụ sở hợp khối các cơ quan thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	UBND T.x Lai Châu	
	- Trụ sở hợp khối thị ủy thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu		
	- Trụ sở hợp khối HĐND-UBND thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu		
	- Trung tâm hội nghị thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu		
13	Điện chiếu sáng thị trấn Phong Thổ	Phong Thổ	UBND Phong Thổ	
14	Điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè	Mường Tè	UBND Mường Tè	
15	Sân vận động huyện Phong Thổ	Phong Thổ	UBND Phong Thổ	
16	Sân vận động huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Ghi chú
17	Đường số 3 (đoạn qua Sở Công thương cũ) thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	UBND T.x Lai Châu	
18	Đường số 4 (nối đường QL4D - đường 58, qua chợ Quyết Thắng) thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	UBND T.x Lai Châu	
19	Hồ chứa nước Thèn Thầu - Cò Lá	Tam Đường	UBND Tam Đường	
20	Mặt bằng và đường lên Sân Văn hóa - Lễ hội - Thể dục - Thể thao thị trấn Nậm Hắng	Mường Tè	Ban QLDA CTXD tỉnh	
21	Nghĩa trang nhân dân huyện Phong Thổ	Phong Thổ	UBND Phong Thổ	
22	Đường vành đai thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	Sở Xây dựng	
23	Trạm biến áp khu vực thị trấn Nậm Hắng	Mường Tè	UBND Mường Tè	
24	Tòa soạn Báo Lai Châu	T.x Lai Châu	Tòa Soạn báo Lai Châu	
25	Trạm khuyến nông Thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	TT khuyến nông	
26	Phòng xét nghiệm nước và trụ sở làm việc của Trung tâm nước sạch VSMT	T.x Lai Châu	TT nước sạch VSMT	Vận động vốn nước ngoài
27	Tuyến đường số 1 (nối đường 58m - QL 4D, giáp khu giáo dục số 2)	T.x Lai Châu	UBND T.x Lai Châu	
28	San gạt mặt bằng và cơ sở hạ tầng khu trung tâm thương mại, khu nội chính, khu giáo dục thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	
29	Đài truyền thanh - truyền hình huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	Đài PT-TH tỉnh	
30	Đài truyền thanh - truyền hình huyện Tân Uyên	Tân Uyên	Đài PT-TH tỉnh	
31	Thoát nước và hệ thống xử lý nước thải thị xã Lai Châu	T.x Lai Châu	Sở KHĐT	Vận động ODA
32	Đường nối Nhà khách UBND huyện với đường B1 thị trấn Sìn Hồ	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	TB 01-TB/VPTU ngày 02/11/2010
33	Trường mầm non thị trấn Sìn Hồ	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	TB 01-TB/VPTU ngày 02/11/2010
34	Đường Làng Mô - Tủa Sín Chải	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	TB 01-TB/VPTU ngày 02/11/2010
35	Đường từ thị trấn Mường Tè đến Nậm Nhọ	Mường Tè	UBND Mường Tè	TB 27-TB/TU ngày 03/11/2010

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Ghi chú
36	Nâng cấp đường giao thông nội thị trấn Mường Tè	Mường Tè	UBND Mường Tè	TB 27-TB/TU ngày 03/11/2010
37	Đường vào bệnh viện và sân vận động huyện Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	TB 58/TB-UBND ngày 06/10/2010
38	Sân vận động huyện Tân Uyên	Tân Uyên	UBND Tân Uyên	TB 58/TB-UBND ngày 06/10/2010
39	Trụ sở làm việc các ban xây dựng đảng huyện Than Uyên	Than Uyên	UBND Than Uyên	TB 02-TB/VPTU ngày 10/11/2010
40	Trụ sở làm việc MTTQ và các đoàn thể huyện Than Uyên	Than Uyên	UBND Than Uyên	TB 02-TB/VPTU ngày 10/11/2010
41	Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm thương mại, dịch vụ tại Nậm Hàng (giao thông, cấp nước)	Mường Tè	Ban QLXD các công trình của tỉnh	TB 53/TB-UBND ngày 10/11/2010
42	Mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu đất các doanh nghiệp (giao thông, cấp nước)	Mường Tè	Ban QLXD các công trình của tỉnh	TB 53/TB-UBND ngày 10/11/2010
43	Trạm biến áp cấp điện nhà ban chỉ đạo cao su tại vùng thấp huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	UBND Sìn Hồ	CV 1223/UBND-NN ngày 07/10/2010
44	Nhà ở công nhân khu Nậm Kinh, Co Sán, Chát Thái, Nậm Nguyên, Lao Lử Đề, đồi 600 xã Nậm Cuối	Sìn Hồ	Công ty cổ phần Cao su Lai Châu	TB 24/TB-UBND ngày 7/5/2010
45	Nhà ở công nhân khu Suối Sỉ Tổng, Pa Tần, Nậm Cày xã Nậm Hàng	Mường Tè	Công ty cổ phần Cao su Lai Châu II	TB 24/TB-UBND ngày 7/5/2010

Ghi chú: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh các dự án cấp bách có đủ thủ tục đầu tư trước 30/3/2011 để khởi công mới năm 2011./.